ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2057 /GP-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh);

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1242/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 1666/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp khu vực Phú Lộc 4, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản đất đồi làm vật liệu san lấp khu vực Phú Lộc 4, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh được xác nhận tại Bản xác nhận số 185/XN-SNNMT ngày 12/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo tham mưu, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6485/SNNMT-KS ngày 11/8/2026 (trên cơ sở đề nghị của Công ty TNHH Đại Hiệp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Đại Hiệp khai thác khoáng sản tại khu vực Phú Lộc 4, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: đất đồi làm vật liệu san lấp.

b) Khoáng sản đi kèm: không.

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 10,0068ha.

b) Mức sâu khai thác: từ +145m đến +52m.

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

4. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính: 1.675.029m^3 đất thể tự nhiên (tương đương 2.169.163m^3 đất nguyên khai).

b) Khoáng sản đi kèm: không.

5. Công suất khai thác tối đa: 777.000m^3 đất nguyên khai/năm.

6. Thời hạn khai thác: 03 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Đại Hiệp có trách nhiệm:

1.1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản 30.000.000 đồng *(bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)* theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

1.2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

1.3. Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; thông báo cho UBND xã Trường Lưu trước khi thực hiện.

1.4. Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản đất đồi làm vật liệu san lấp khu vực Phú Lộc 4, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh đã được Công ty TNHH Đại Hiệp phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-PT ngày 30/6/2026; khai thác khoáng sản theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật; có nhân sự điều hành mỏ theo quy định.

1.5. Lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng thiết bị cân để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án khai thác phục vụ công tác thống kê khối lượng khoáng sản đã khai thác; lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê hàng ngày đối với khối lượng khoáng sản nguyên khai; lập chứng từ kê khai, quyết toán thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường; lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

1.6. Lưu giữ đầy đủ sổ sách, chứng từ, tài liệu theo dõi sản lượng khai thác khoáng sản từ khi được phép khai thác khoáng sản cho đến khi kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ và phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật cũng như cơ quan quản lý nhà nước về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin ghi chép, theo dõi, thống kê tại các sổ sách, tài liệu, báo cáo.

Trường hợp không lập hoặc lập không đầy đủ hoặc để thất lạc sổ sách, chứng từ, tài liệu về sản lượng khai thác khoáng sản hoặc thông tin, số liệu không đầy đủ, chính xác thì tùy theo tính chất, mức độ hậu quả gây ra sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

1.7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 và Luật Bảo vệ môi trường.

1.8. Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Trường Lưu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác khoáng sản, đảm bảo không để xảy ra vi phạm trong quá trình thực hiện; kịp thời xử lý và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các nội dung có liên quan. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động hướng dẫn, thông báo cho Công ty TNHH Đại Hiệp và cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định.

Điều 3. Công ty TNHH Đại Hiệp (đơn vị đề xuất), Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan soát xét, thẩm định, tham mưu, thực hiện công tác quản lý nhà nước) và các cơ quan, đơn vị phối hợp kiểm tra, thẩm định, cho ý kiến chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về hồ sơ, thông tin, số liệu, nội dung thẩm định, báo cáo, tham mưu và toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Lưu, Giám đốc Công ty TNHH Đại Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường;
- Phó CVP UBND tỉnh phụ trách;
- Trung tâm TT và XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL4.

Gửi bản chính: UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty TNHH Đại Hiệp.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-UBND ngày .../.../2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000, KTT $105^0 30'$, múi chiếu 3^0	
	X (m)	Y (m)
1	2036926	514828
2	2036760	515118
3	2036503	514923
4	2036657	514668
Diện tích 10,0068ha		
Mức sâu khai thác cao nhất: +145m		
Mức sâu khai thác thấp nhất: +52m		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục 2

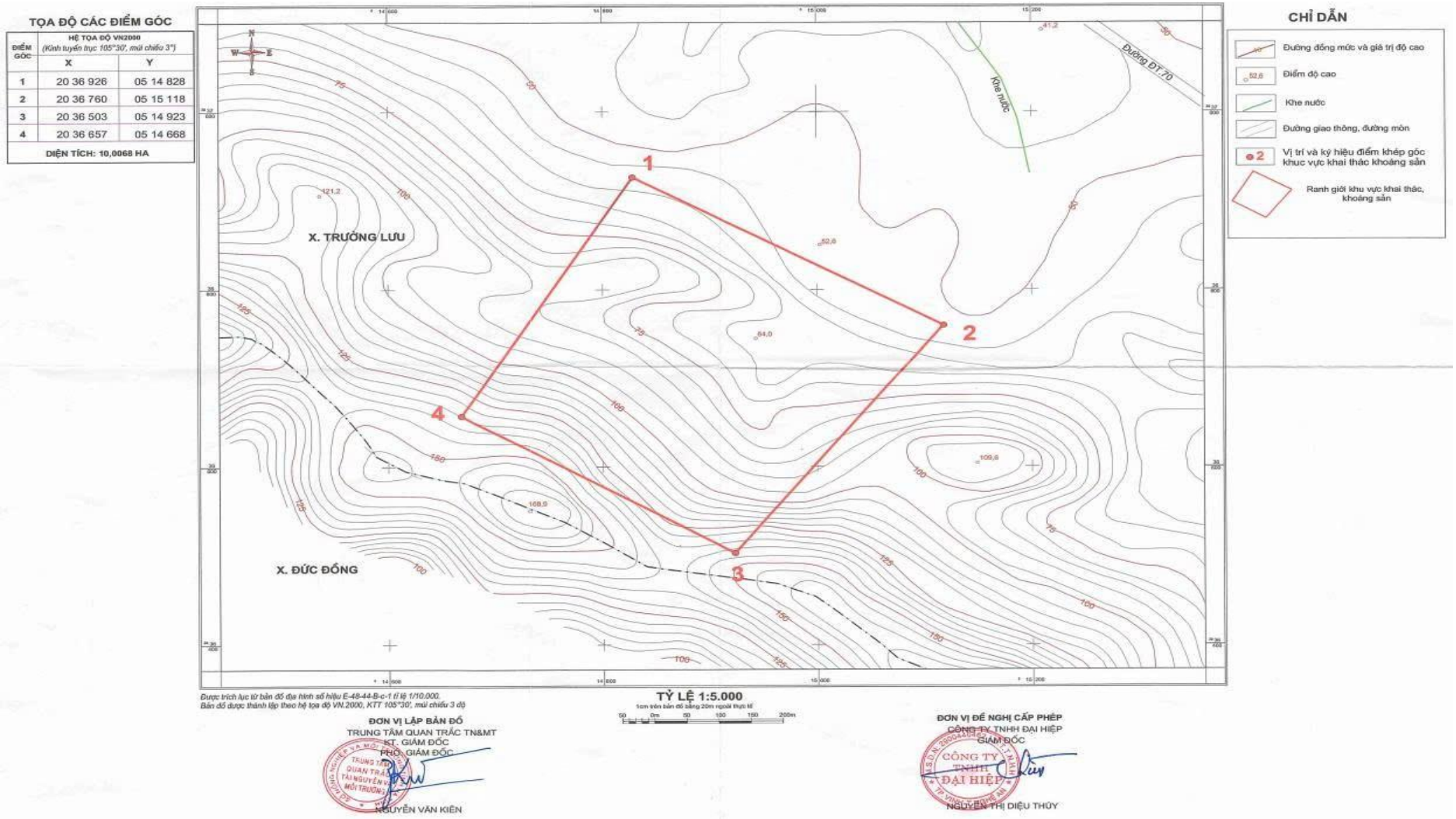
RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp khu vực Phú Lộc 4, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-UBND ngày ...../...../2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC

ĐIỂM GÓC	HỆ TỌA ĐỘ VN2000 (Kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)	
	X	Y
1	20 36 926	05 14 828
2	20 36 760	05 15 118
3	20 36 503	05 14 923
4	20 36 657	05 14 668
DIỆN TÍCH: 10,0068 HA		



Được trích lục từ bản đồ địa hình số hiệu E-48-44-B-c-1 tỉ lệ 1/10.000.
Bản đồ được thành lập theo hệ tọa độ VN.2000, KTT 105°30', múi chiếu 3 độ

TỶ LỆ 1:5.000
1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế

ĐƠN VỊ LẬP BẢN ĐỒ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TN&MT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN KIÊN

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
CÔNG TY TNHH ĐẠI HIỆP
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY